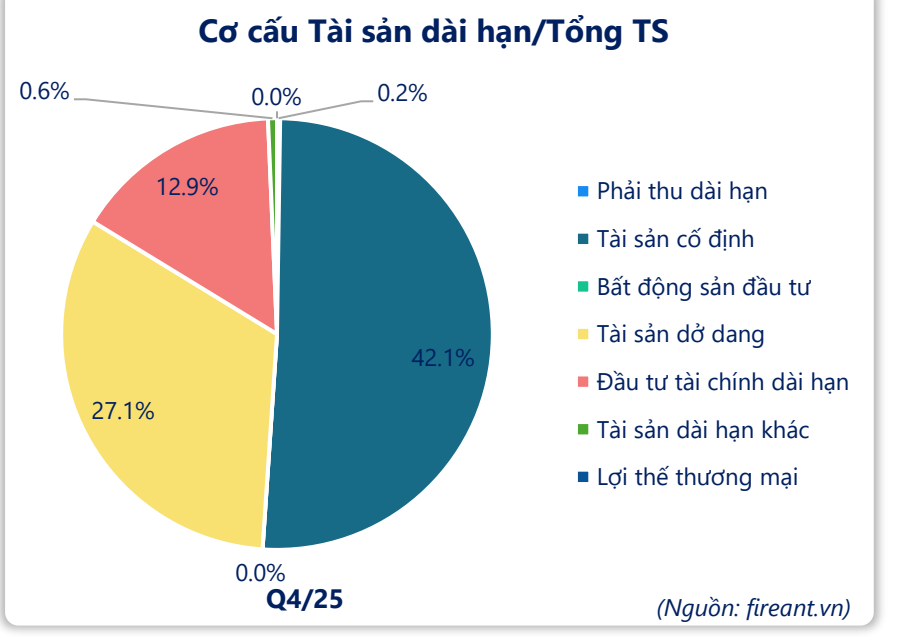
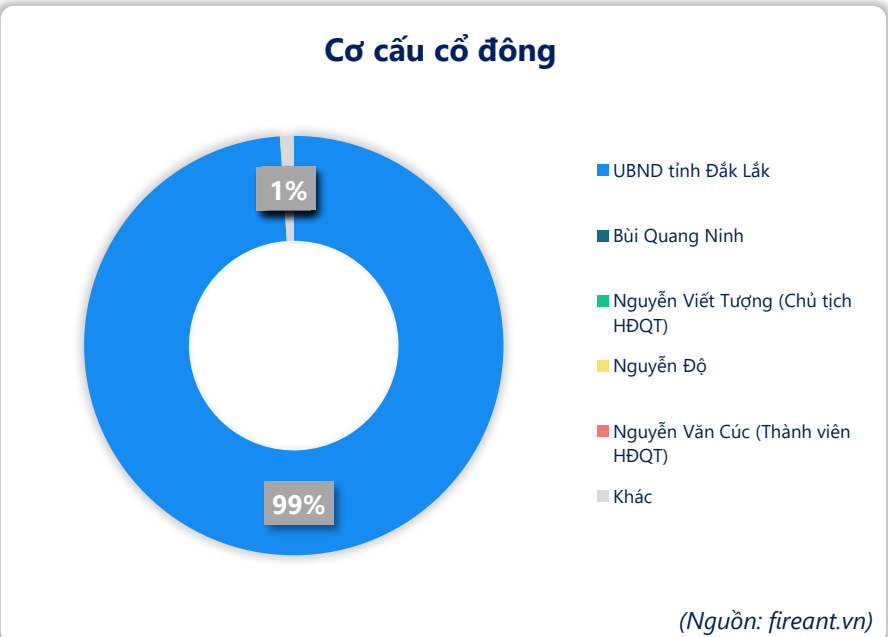
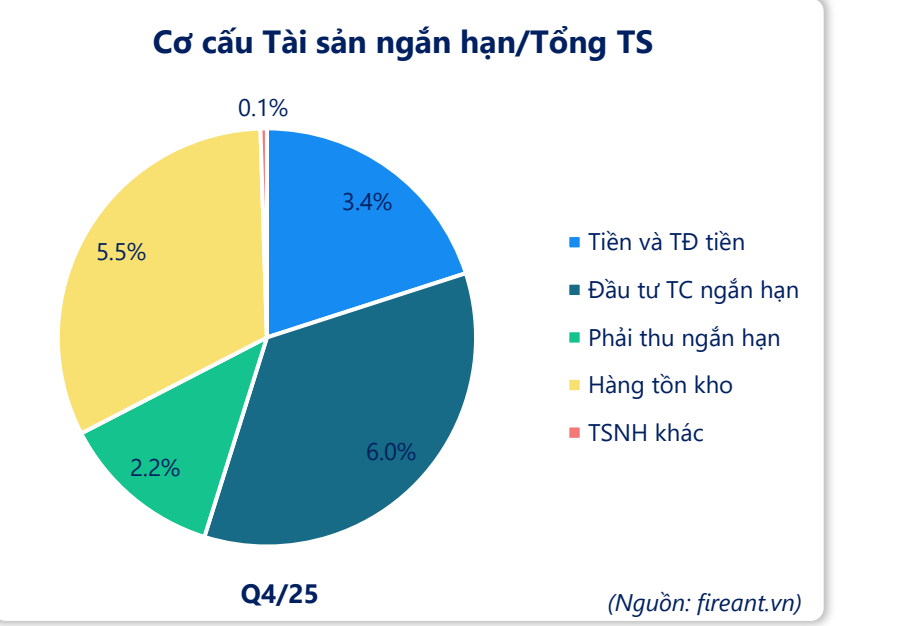
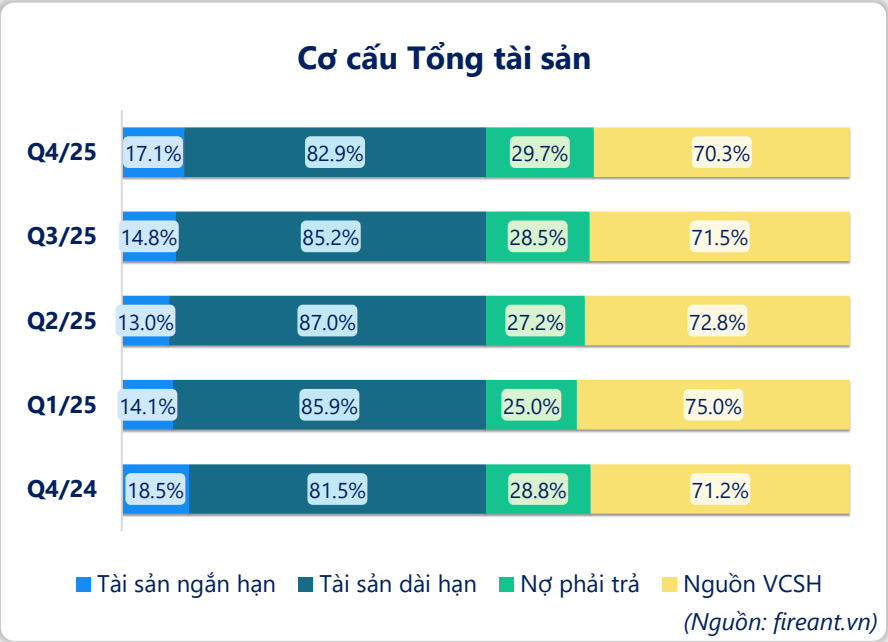
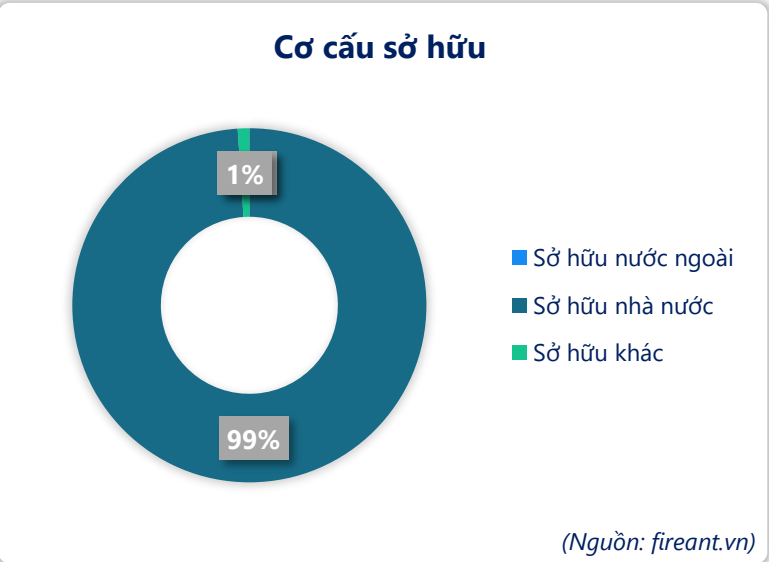
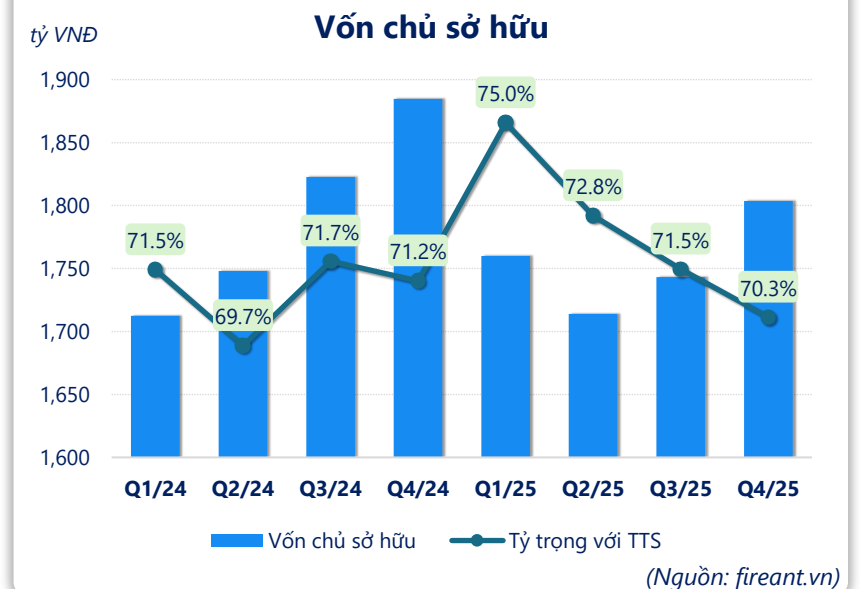
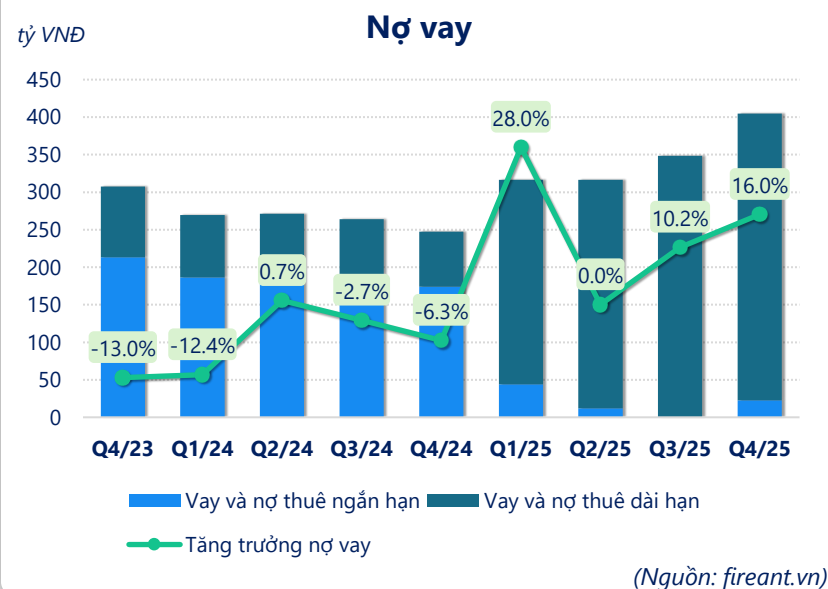
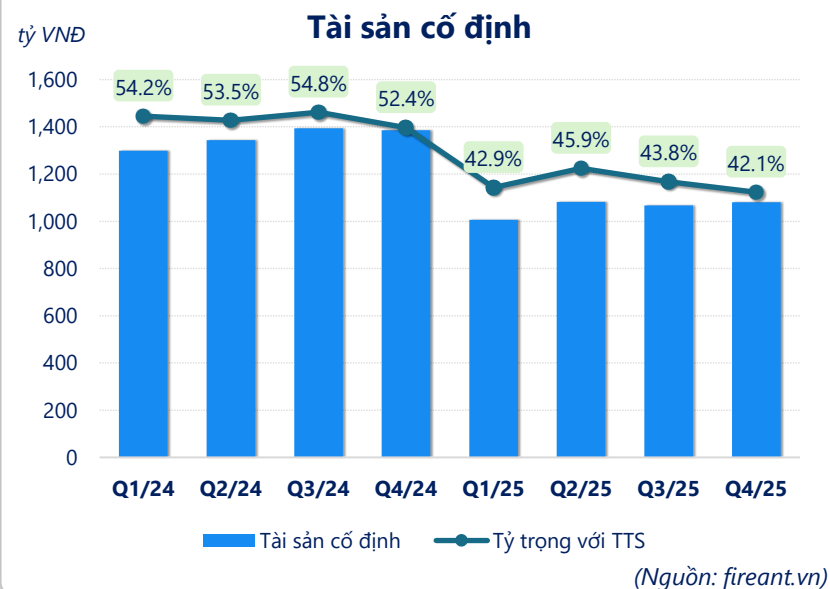
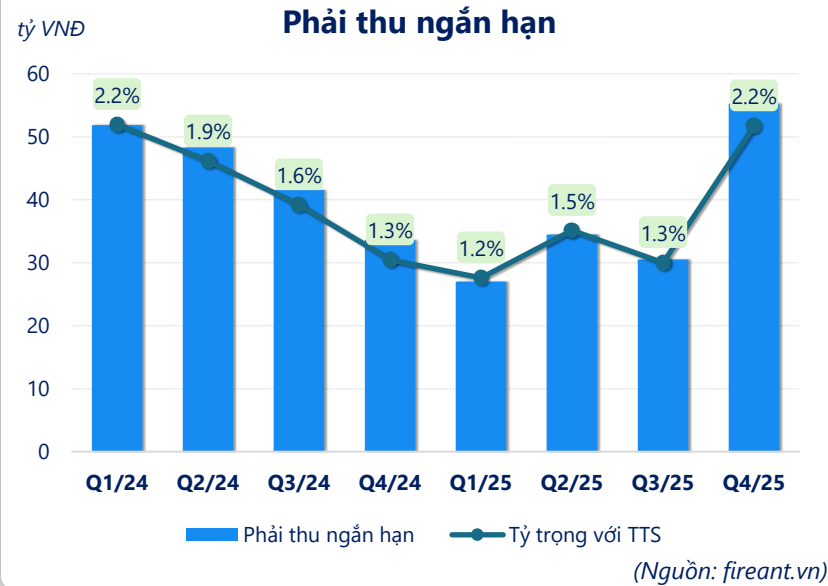
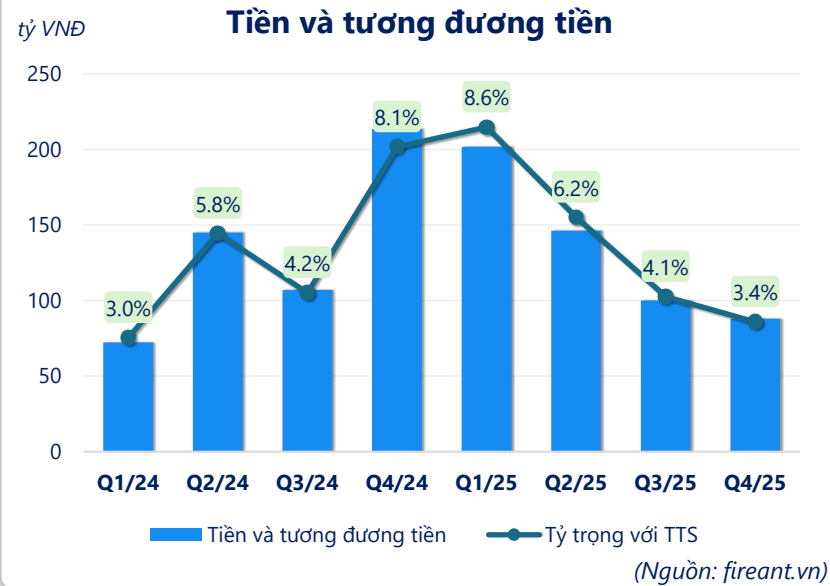
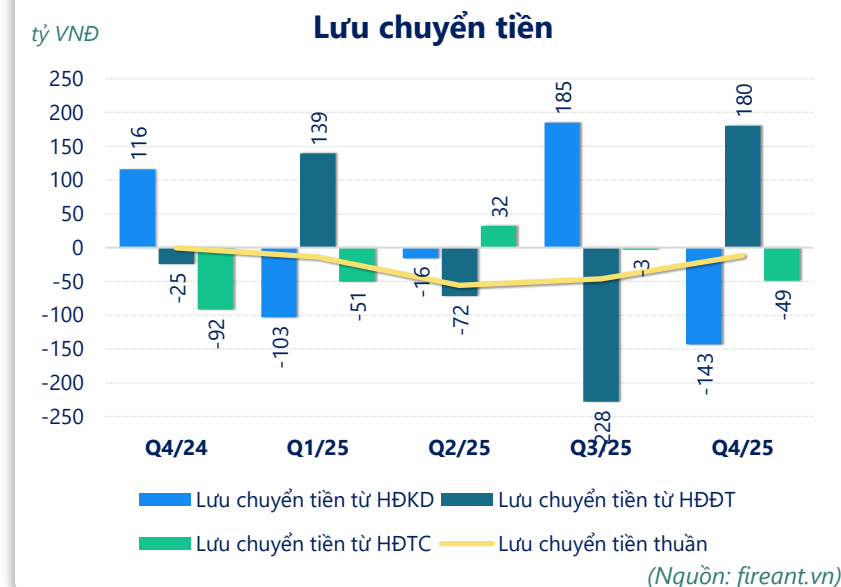
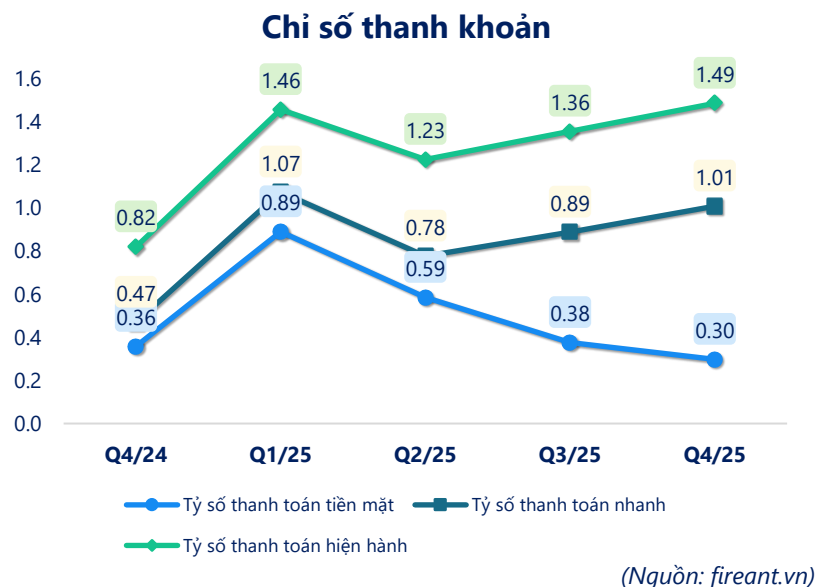
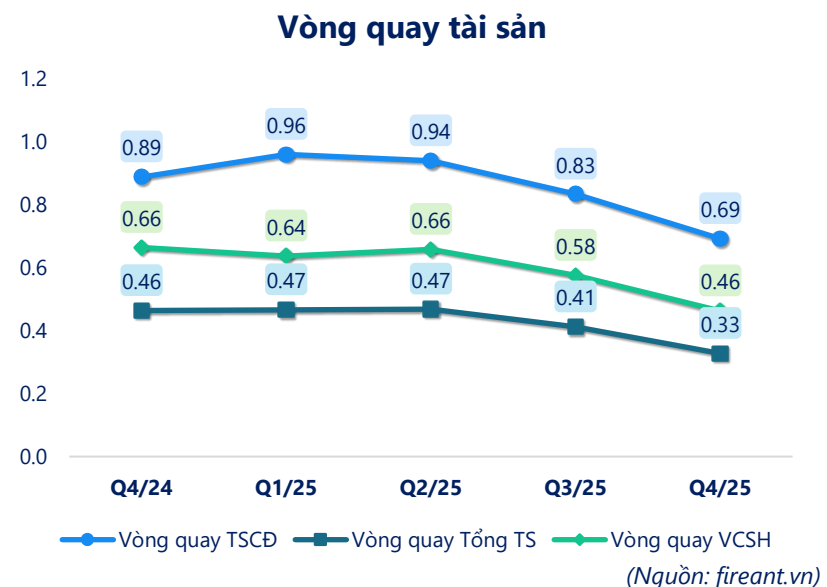
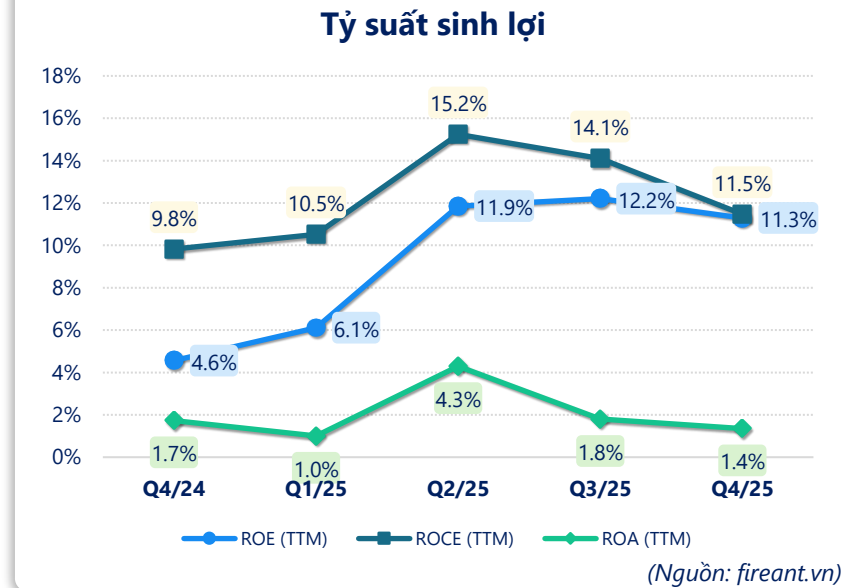
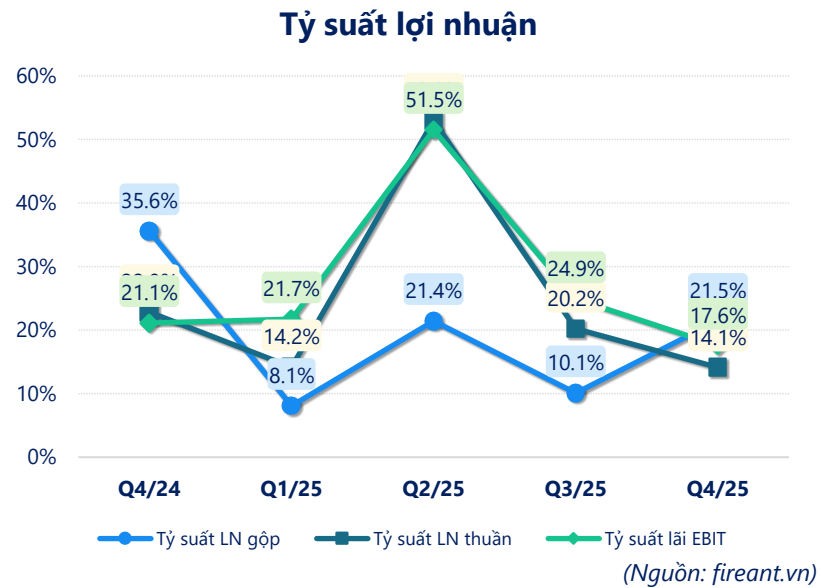
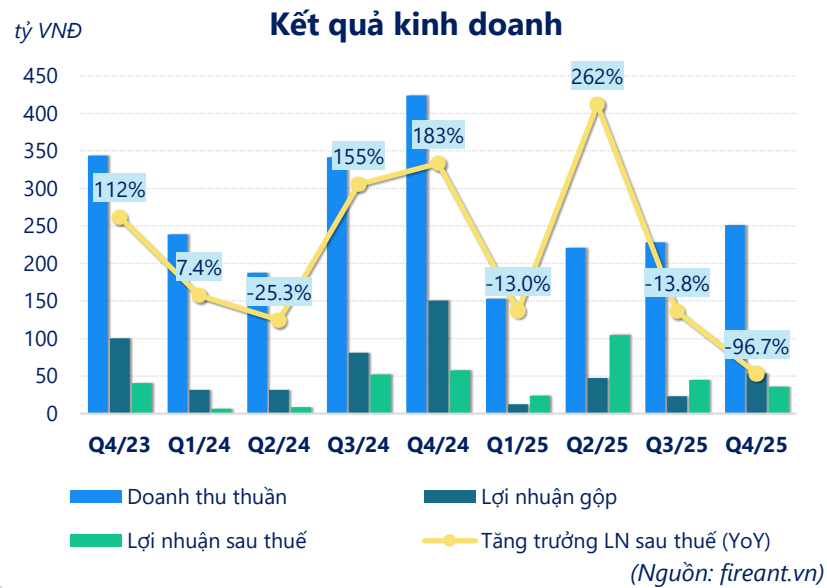


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,586
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,987
SL cổ phiếu LH		155,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,045
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,340
P/E		6.4
EPS		1,337

	YTD	1T	3T	6T
DRG	15.1%	-3.4%	-3.4%	2.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,564	2,652	-3.3%
Tài sản ngắn hạn	440	484	-9.2%
Tiền và tương đương tiền	88.1	215	-59.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	153	21.1	625%
Phải thu ngắn hạn	55.3	25.1	120%
Hàng tồn kho	141	212	-33.6%
Tài sản ngắn hạn khác	2.18	10.1	-78.4%
Tài sản dài hạn	2,125	2,167	-2.0%
Phải thu dài hạn	4.97	5.30	-6.1%
Tài sản cố định	1,080	1,396	-22.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	694	718	-3.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	332	24.3	1262%
Tài sản dài hạn khác	14.2	23.7	-40.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	761	761	-0.1%
Nợ ngắn hạn	296	599	-50.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.5	174	-87.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	44.7	23.7	88.7%
Nợ dài hạn	465	162	188%
Vay và nợ thuê dài hạn	382	73.2	422%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,804	1,891	-4.6%
Vốn chủ sở hữu	1,804	1,891	-4.6%
Vốn điều lệ	1,558	1,558	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	424	153	221	228	251
Giá vốn hàng bán	273	141	173	205	197
Lợi nhuận gộp	151	12.4	47.3	23.0	54.0
Doanh thu HĐTC	6.59	1.78	88.1	21.5	3.29
Chi phí TC	10.3	6.56	2.65	6.78	7.70
Chi phí lãi vay	7.09	6.07	-5.23	6.50	7.50
LN trong công ty LKLD	0.06	25.2	0.84	17.3	19.7
Chi phí bán hàng	12.3	1.97	6.27	3.22	3.42
Chi phí QLDN	38.1	9.13	10.4	5.58	30.3
LN thuần từ HĐKD	96.7	21.7	117	46.1	35.5
Lợi nhuận khác	-14.3	5.49	2.03	4.09	1.12
LN trước thuế	82.4	27.2	119	50.2	36.6
Lợi nhuận sau thuế	57.7	23.8	104	44.9	35.9
LNST của CĐ cty mẹ	44.6	23.8	104	44.7	35.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	116	-103	-15.9	185	-143
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-24.6	139	-71.9	-228	180
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-91.8	-50.5	31.9	-3.20	-48.9
Tiền đầu kỳ	107	215	202	146	100
Lưu chuyển tiền thuần	-0.41	-14.0	-55.8	-46.3	-11.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0.41	0.27	0.28	0.25	-0.26
Tiền cuối kỳ	214	202	146	100	88.1

(Nguồn: fireant.vn)